

**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HK1 - ĐỀ SỐ 1****MÔN: ĐỊA LÍ 12****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- ✓ Ôn tập kiến thức học kì I: phần Địa lí dân cư, Địa lí các ngành kinh tế
- ✓ Giải thích được một số vấn đề liên quan.

**PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN****Câu 1:** Hai đô thị đặc biệt của nước ta là

- A.** Hải Phòng, Đà Nẵng.                      **B.** Hà Nội, Hải Phòng.  
**C.** TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội.                **D.** Hà Nội, Cần Thơ

**Câu 2:** Đặc điểm nào sau đây đúng với cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế ở nước ta?

- A.** Nhà nước tăng, ngoài Nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài giảm.  
**B.** Nhà nước và ngoài Nhà nước giảm, có vốn đầu tư nước ngoài tăng.  
**C.** Nhà nước giảm, ngoài Nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng.  
**D.** Nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng, ngoài Nhà nước giảm.

**Câu 3:** Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

- A.** phát triển rộng rãi ở nhiều vùng.                      **B.** chỉ tạo sản phẩm cho xuất khẩu.  
**C.** phần lớn đầu tư nuôi cá nước lợ.                      **D.** tập trung hầu hết ở các đầm phá.

**Câu 4:** Chè, cây ăn quả, cây dược liệu là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng nào sau đây?

- A.** Đồng bằng sông Hồng.                      **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
**C.** Đồng bằng sông Cửu Long.                      **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 5:** Nhận định nào sau đây đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta hiện nay?

- A.** Giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng.  
**B.** Giảm nhanh tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.  
**C.** Hạn chế phát triển các ngành đòi hỏi lao động chất lượng cao.  
**D.** Tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng đang có xu hướng tăng.

**Câu 6:** Ngành công nghiệp khai thác than tập trung chủ yếu ở

- A.** Quảng Ninh.                      **B.** Quảng Nam.                      **C.** Thái Nguyên.                      **D.** Lạng Sơn.

**Câu 7:** Các trung tâm công nghiệp rất lớn ở nước ta gồm

- A.** Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng.

**B.** Bắc Giang, Dung Quất, Cần Thơ.

**C.** Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh.

**D.** Quảng Ninh, Hải Phòng, Vĩnh Phúc.

**Câu 8:** Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến mạng lưới ngành dịch vụ?

**A.** Trình độ phát triển kinh tế.

**B.** Quy mô và cơ cấu dân số.

**C.** Mức sống và thu nhập thực tế.

**D.** Phân bố và mạng lưới dân cư.

**Câu 9:** Ở nước ta, giao thông vận tải đường hàng không

**A.** phối hợp linh hoạt với loại hình khác.

**B.** có tốc độ tăng trưởng đều qua các năm.

**C.** nguồn vốn đầu tư thấp nhất.

**D.** tốc độ phát triển nhanh.

**Câu 10:** Hoạt động nhập khẩu của nước ta hiện nay

**A.** phân bố đồng đều ở các địa phương.

**B.** hoàn toàn phụ thuộc kinh tế tư nhân.

**C.** chỉ tập trung vào mặt hàng tiêu dùng.

**D.** ngày càng có sự mở rộng thị trường.

**Câu 11:** Ngành lâm nghiệp nước ta có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ vì

**A.** độ che phủ rừng tương đối lớn, tăng nhanh.

**B.** rừng có giá trị lớn về kinh tế và môi trường.

**C.** nhu cầu về tài nguyên rừng lớn và phổ biến.

**D.** diện tích đồi núi nhiều, có rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 12:** Nhận định nào sau đây đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta hiện nay?

**A.** Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đặc biệt là đối với an ninh quốc phòng.

**B.** Tập trung phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi công nghệ cao, giá trị tăng nhanh, tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu.

**C.** Phát triển các ngành công nghiệp dựa vào tiềm năng và lợi thế trong nước, đặc biệt là nguồn lao động phổ thông.

**D.** Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đặc biệt là gắn với tài nguyên của quốc gia.

**Câu 13:** Có bao nhiêu nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ?

**A.** 6

**B.** 5

**C.** 4

**D.** 3

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **không đúng** về sự phát triển của ngành bưu chính của nước ta?

**A.** Cự li vận chuyển tăng nhanh.

**B.** Mạng lưới ngày càng mở rộng.

**C.** Doanh thu tăng nhanh và liên tục.

**D.** Phát triển theo hướng hiện địa hóa.

**Câu 15:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự gia tăng nhanh giá trị nhập khẩu ở nước ta?

**A.** Do nhu cầu của chất lượng cuộc sống cao.

**B.** Do việc phát triển của quá trình đô thị hóa.

**C.** Sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

**D.** Do nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa.

**Câu 16:** Ngành chăn nuôi ở nước ta chưa tương xứng với tiềm năng chủ yếu là do

- A. dịch vụ thú y chưa phát triển và năng suất chăn nuôi thấp.
- B. chăn nuôi quy mô nhỏ, giống vật nuôi nhỏ và dịch vụ kém.
- C. chăn nuôi quảng canh, năng suất thấp, ít chú trọng đầu tư.
- D. chọn giống vật nuôi chưa phù hợp, chưa đầu tư chuồng trại.

**Câu 17:** Nhận định nào sau đây đúng với tình hình phát triển của ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống ở nước ta hiện nay?

- A. Là ngành công nghiệp mới, dựa vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài.
- B. Phát triển mạnh nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- C. Sản phẩm phục vụ nhu cầu trong nước, chưa tạo ra mặt hàng xuất khẩu.
- D. Ưu tiên chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực, có tính cạnh tranh cao.

**Câu 18:** Trở ngại chính về tự nhiên đối với việc xây dựng và khai thác ngành giao thông vận tải đường ô tô nước ta là

- A. khí hậu và thời tiết thất thường.
- B. phần lớn lãnh thổ có địa hình đồi núi.
- C. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- D. thiếu vốn và cán bộ kỹ thuật cao.

## PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

**Câu 1:** Cho đoạn thông tin sau:

Lao động luôn được coi là nguồn tài nguyên quý giá của bất kì quốc gia nào; nhưng tạo ra việc làm và tăng thu nhập cho người lao động lại là điều phải quan tâm. Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, đó là tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế – xã hội. Mặc dù, nước ta đã tạo ra nhiều việc làm cho người lao động mỗi năm nhưng tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn còn khá cao. Theo thống kê, năm 2021 cả nước vẫn còn 3,2 % lao động thất nghiệp và 3,1 % lao động thiếu việc làm.

Biết tổng số lao động của nước ta năm 2021 là 50,6 triệu người.

- a. Tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm đang là vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế - xã hội.
- b. Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở nông thôn đều cao hơn thành thị.
- c. Trong những năm gần đây, việc hội nhập kinh tế giúp cho lao động của nước ta có nhiều cơ hội việc làm.
- d. Số lượng lao động cần giải quyết việc làm ở nước ta năm 2021 là 1,6 triệu người.

**Câu 2:** Cho thông tin sau:

Thương mại có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, là khâu nối giữa sản xuất và tiêu dùng. Thương mại bao gồm nhiều hoạt động phức tạp và diễn ra trong phạm vi lãnh thổ rộng lớn, được chia thành thương mại nội địa (nội thương) và thương mại quốc tế (ngoại thương).

- a. Hoạt động nội thương ở nước ta xuất hiện từ lâu đời nhưng phát triển mạnh từ sau Đổi mới.
- b. Cùng với xu thế hội nhập, ngành ngoại thương ngày càng phát triển mạnh mẽ, giá trị sản xuất tăng.
- c. Thị trường quốc tế của Việt Nam lớn chủ yếu do dân số đông, nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ lớn.
- d. Thị trường trong nước của nước ta được mở rộng chủ yếu do nhu cầu của thế giới với các

mặt hàng của nước ta tăng.

**Câu 3:** Cho bảng số liệu:

**GDP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020**

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2010	2015	2018	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	421 253	489 989	535 022	565 987
Công nghiệp, xây dựng	904 775	1 778 887	2 561 274	2 955 806
Dịch vụ	1 113 126	2 190 376	2 955 777	3 365 060
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	300 689	470 631	629 411	705 470

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- Giá trị sản xuất của các ngành kinh tế của nước ta đều giảm.
- Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất.
- Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng mạnh nhất.
- Khu vực công nghiệp, xây dựng có tốc độ tăng mạnh nhất.

**Câu 4:** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN ƯỚP ĐÔNG VÀ NƯỚC MẮM CỦA NƯỚC TA,  
GIAI ĐOẠN 2015 - 2021**

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Thủy sản ướp đông (nghìn tấn)	1666	1946,2	2158,4	2194,1	2134,8
Nước mắm (triệu lít)	339,5	373,7	378,8	375,4	417,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- Sản lượng thủy sản ướp đông và nước mắm đều tăng trong giai đoạn 2015 – 2021.
- Giai đoạn 2015 – 2021, tốc độ tăng trưởng của sản lượng thủy sản ướp đông cao hơn tốc độ tăng của nước mắm
- Sản lượng nước mắm tăng nhiều và nhanh hơn thủy sản ướp đông, giai đoạn 2015 - 2021.
- Để thể hiện sản lượng thủy sản ướp đông và nước mắm, biểu đồ đường là thích hợp nhất.

**PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1:** Cho bảng số liệu sau:

**SỐ LƯỢNG GIA SÚC, GIA CẦM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

(Đơn vị: triệu con)

Năm	Vật nuôi			
	Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm
2010	2,9	5,9	27,3	301,9
2015	2,6	5,7	28,9	369,5
2021	2,3	6,4	23,1	524,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết tốc độ tăng trưởng số lượng gia cầm nước ta năm 2021 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

**Câu 2:** Cho bảng số liệu sau:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2021**

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Giá trị sản xuất	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2021, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết giá trị sản xuất ngành công nghiệp của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng gấp bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của lần).

**Câu 3:** Biết ở nước ta năm 2021, GDP đạt 8 487,5 nghìn tỉ đồng, GDP của nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là 1 069,7 nghìn tỉ đồng. Tính tỉ trọng GDP của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của nước ta năm 2021 (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

**Câu 4:** Năm 2022, khối lượng vận tải hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 89307,46 nghìn tấn, khối lượng luân chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 191249,27 triệu tấn.km. Cho biết cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải này là bao nhiêu km? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km).

**Câu 5:** Cho bảng số liệu sau:

**MỘT SỐ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NGÀNH BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG NƯỚC TA,  
GIAI ĐOẠN 2010 - 2021**

Sản phẩm	2010	2015	2020	2021
Doanh thu dịch vụ bưu chính (nghìn tỉ đồng)	6,0	11,0	25,0	26,8
Doanh thu dịch vụ viễn thông (nghìn tỉ đồng)	177,8	284,0	321,2	316,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng của doanh thu dịch vụ bưu chính năm 2021 so với năm 2010. (Làm tròn đến hàng đơn vị của %)

**Câu 6:** Cho bảng số liệu:

**Số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động phân theo vùng ở nước ta,  
năm 2022**

(Đơn vị: khu)

Vùng	Số lượng
Trung du và miền núi Bắc Bộ	22
Đồng bằng sông Hồng và duyên hải miền Trung	100
Đồng bằng Bắc Trung Bộ	42
Tây Nguyên	7
Đông Nam Bộ	72
Đồng bằng sông Cửu Long	50

Cho biết số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất của vùng Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % cả nước?

(Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

----- HẾT -----



**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

## THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

1.C	2.B	3.A	4.B	5.A	6.A	7.A	8.D	9.D	10.D
11.D	12.B	13.A	14.A	15.D	16.C	17.D	18.B		

**Câu 1 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

**Cách giải:**

Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai đô thị đặc biệt của Việt Nam.

**Chọn C.**

**Câu 2 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

**Cách giải:**

Cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế ở nước ta có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, giảm tỉ trọng lao động khu vực Nhà nước và ngoài Nhà nước. Năm 2021 lao động khu vực Nhà nước chiếm 8,1%, ngoài Nhà nước chiếm 82,6% và có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 9,3% (tăng 6,7% so với năm 2005).

**Chọn B.**

**Câu 3 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

**Cách giải:**

Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay phát triển rộng rãi ở nhiều vùng, lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.

**Chọn A.**

**Câu 4 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

**Cách giải:**

Các sản phẩm chuyên môn hóa của Trung du và miền núi Bắc Bộ:

- Trồng trọt: chè, cây ăn quả, lúa đặc sản cây dược liệu, rau và hoa. Chăn nuôi: gia súc ăn cỏ (trâu,

bò, dê, ngựa).

- Lâm nghiệp: trồng rừng sản xuất.

- Thủy sản: nuôi các loài thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm...).

**Chọn B.**

**Câu 5 (NB):**

**Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển công nghiệp.

**Cách giải:**

Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta hiện nay tương đối đa dạng, có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng công nghiệp khai khoáng, tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo. Xu hướng này phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế tri thức của nước ta.

**Chọn A.**

**Câu 6 (NB):**

**Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Một số ngành công nghiệp.

**Cách giải:**

Ngành công nghiệp khai thác than tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh.

**Chọn A.**

**Câu 7 (NB):**

**Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

**Cách giải:**

Các trung tâm công nghiệp rất lớn ở nước ta gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng.

**Chọn A.**

**Câu 8 (NB):**

**Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Dịch vụ.

**Cách giải:**

Sự phân bố và mạng lưới dân cư tác động lớn nhất đến mạng lưới ngành dịch vụ:

- Dân cư, nguồn lao động nước ta là động lực phát triển các ngành dịch vụ. Số dân đông, mức sống của người dân được nâng cao làm tăng nhu cầu di chuyển, du lịch, mua sắm, giải trí,... Từ đó nâng



cao hiệu quả kinh doanh và làm phong phú các hoạt động dịch vụ. Những vùng có số dân đông, chất lượng cuộc sống cao là những vùng phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ, như Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng,...

- Lực lượng lao động dồi dào, trình độ đang được nâng lên góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển và đa dạng hoá cơ cấu ngành dịch vụ. Quá trình đô thị hoá phát triển đã mở rộng mạng lưới dịch vụ, gia tăng các ngành dịch vụ hiện đại và hội nhập quốc tế.

**Chọn D.**

**Câu 9 (NB):**

**Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Địa lí ngành Giao thông vận tải và Bưu chính viễn thông.

**Cách giải:**

Vận tải hàng không ở nước ta có tốc độ phát triển và hiện đại hoá nhanh. Năng lực vận chuyển ngày càng cao nhờ ứng dụng khoa học - công nghệ, tăng cường đội tàu bay và mở rộng mạng lưới đường bay.

**Chọn D.**

**Câu 10 (NB):**

**Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Thương mại và du lịch.

**Cách giải:**

Hoạt động nhập khẩu của nước ta hiện nay ngày càng có sự mở rộng thị trường.

A sai vì hoạt động nhập khẩu phân bố không đều giữa các địa phương.

B sai vì hoạt động nhập khẩu còn phụ thuộc vào kinh tế Nhà nước.

C sai vì mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta là máy móc, thiết bị hiện đại.

**Chọn D.**

**Câu 11 (TH):**

**Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

**Cách giải:**

Ngành lâm nghiệp nước ta có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ vì diện tích đồi núi nhiều (3/4 diện tích nước ta là đồi núi), có rừng ngập mặn ven biển (Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng Nam Bộ. Rừng ngập mặn ở Nam Bộ có diện tích lớn thứ 2 thế giới, sau khu rừng ngập mặn ở A-ma-zon).

**Chọn D.**

**Câu 12 (TH):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển công nghiệp.

**Cách giải:**

Cơ cấu công nghiệp phân theo ngành đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại với sự chuyển dịch từ các ngành và công nghệ sản xuất sử dụng nhiều lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao (công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính,...).

**Chọn B****Câu 13 (TH):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

**Cách giải:**

Có 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ:

- Trình độ phát triển kinh tế.
- Dân cư và lao động.
- Thị trường.
- Cơ sở vật chất – kĩ thuật và khoa học – công nghệ.
- Chính sách.
- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

**Chọn A.****Câu 14 (TH):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Địa lí ngành Giao thông vận tải và Bưu chính viễn thông.

**Cách giải:**

Cự li vận chuyển tăng nhanh là đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

**Chọn A.****Câu 15 (TH):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Thương mại và du lịch.

**Cách giải:**

Nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa là yếu tố tác động chủ yếu đến sự gia tăng nhanh giá trị nhập khẩu. Do nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa, cần nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất nên giá trị nhập khẩu của nước ta tăng nhanh.

**Chọn D.**

**Câu 16 (VD):**

**Phương pháp:**

Phân tích.

**Cách giải:**

Ngành chăn nuôi ở nước ta chưa tương xứng với tiềm năng chủ yếu là do chăn nuôi quảng canh (chăn nuôi thả, sử dụng thức ăn từ tự nhiên là chủ yếu), ít chú trọng đầu tư nên năng suất thấp (khó kiểm soát được chất lượng đầu ra do phụ thuộc nhiều vào tự nhiên).

**Chọn C.**

**Câu 17 (VD):**

**Phương pháp:**

Phân tích.

**Cách giải:**

- Ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống ở nước ta ưu tiên chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực, có tính cạnh tranh cao.
- A sai vì nguồn nguyên liệu của ngành chủ yếu ở trong nước, không phải nước ngoài.
- B sai vì ngành này phát triển mạnh ở Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long nơi có nguồn nguyên liệu dồi dào từ nông nghiệp và thủy sản.
- C sai vì ngành có nhiều mặt hàng đã xuất khẩu sang nước ngoài.

**Chọn D.**

**Câu 18 (VD):**

**Phương pháp:**

Phân tích.

**Cách giải:**

Nước ta có địa hình đồi núi chiếm 3/4 diện tích → việc xây dựng các tuyến đường giao thông gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các tuyến giao thông Đông - Tây, cản trở hoạt động giao lưu vận chuyển giữa miền núi – đồng bằng, giữa vùng miền núi với nhau. Địa hình nhiều đồi núi cũng đòi hỏi chi phí xây dựng lớn (hầm xuyên núi, công trình kiên cố chống sạt lở đất...)

=> Đây là khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với việc xây dựng và khai thác giao thông đường ô tô nước ta.

**Chọn B.**

**Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai**

<b>Câu</b>	1	2	3	4
<b>Đáp án</b>	ĐĐĐĐ	ĐĐSS	SĐSĐ	SĐSS

**Câu 1 (VD):****Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và tính toán.

**Cách giải:**

- a) Đúng vì tỉ lệ lao động thất nghiệp, thiếu việc làm ở nước ta còn khá cao.
- b) Sai vì tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở thành thị đều cao hơn nông thôn.
- c) Đúng vì trong những năm gần đây, việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế đem lại cho ao động ở nước ta nhiều cơ hội việc làm, nâng cao tay nghề và chất lượng lao động.
- d) Sai vì năm 2021, tỉ lệ lao động thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta là  $3,2 + 3,1 = 6,3\% \Rightarrow$  Số lượng lao động cần giải quyết việc làm là  $(6,3 \cdot 50,6) / 100 = 3,2$  triệu người.

**Câu 2 (VD):****Phương pháp:**

Phân tích.

**Cách giải:**

- a) đúng. Hoạt động nội thương ở nước ta xuất hiện từ lâu đời nhưng phát triển mạnh từ sau Đổi mới.
  - b) đúng. Cùng với xu thế hội nhập, ngành ngoại thương ngày càng phát triển mạnh mẽ, giá trị sản xuất tăng.
  - c), d) sai.
- + Thị trường trong nước của Việt Nam lớn chủ yếu do dân số đông (gần 100 triệu người), nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ lớn.
- + Thị trường quốc tế của nước ta được mở rộng chủ yếu do nhu cầu của thế giới với các mặt hàng của nước ta tăng. Xuất khẩu ngày càng phát triển chủ yếu do hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển sản xuất hàng hóa. Nhập khẩu lớn do quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang diễn ra ở nước ta đòi hỏi phải nhập khẩu với số lượng lớn nguyên liệu, nhiên liệu, tư liệu sản xuất,...

**Câu 3 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán.

**Cách giải:**

- a) sai vì giá trị sản xuất của các ngành kinh tế của nước ta đều tăng.
- b), d) đúng.
- c) sai vì khu vực công nghiệp, xây dựng tăng nhanh nhất, tăng 3,3 lần, khu vực dịch vụ tăng 3 lần.

**Câu 4 (VD):****Cách giải:**

- a) sai vì sản lượng thủy sản ướp đông và nước mắm có sự biến động trong giai đoạn 2015 – 2021.

- + Sản lượng thủy sản ướp đông giai đoạn 2015 – 2020 tăng, giai đoạn 2020 – 2021 giảm.
- + Sản lượng thủy sản nước mắm giai đoạn 2015 – 2019 tăng, giai đoạn 2019 – 2020 giảm, giai đoạn 2020 - 2021 tăng.
- b) đúng. Giai đoạn 2015 – 2021, tốc độ tăng trưởng của sản lượng thủy sản ướp đông (128,1%) cao hơn tốc độ tăng của nước mắm (123%).
- c) sai vì giai đoạn 2015 – 2021, sản lượng nước mắm tăng chậm hơn thủy sản ướp đông.
- d) sai vì để thể hiện sản lượng thủy sản ướp đông và nước mắm, biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất.

**Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn**

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	174	4	12,6	2141	447	24,6

**Câu 1 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính tốc độ tăng trưởng.

**Cách giải:**

- Công thức: Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm sau/Giá trị năm đầu)\*100

=> Tốc độ tăng trưởng số lượng gia cầm nước ta năm 2021 là:  $(524,1/301,9)*100 = 174\%$ .

**Câu 2 (TH):**

**Phương pháp:**

Tính toán.

**Cách giải:**

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng gấp:

$13026,8/3045,6 = 4$  lần

**Câu 3 (VD):**

**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ trọng.

**Cách giải:**

Công thức: Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Giá trị tổng thể)\*100

=> Tỉ trọng GDP của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của nước ta năm 2021 là:

$(1\ 069,7/8\ 487,5)*100 = 12,6\%$

**Câu 4 (VD):**

**Phương pháp:**

Tính toán.

**Cách giải:**

- Công thức: Cự li vận chuyển trung bình = khối lượng luân chuyển : khối lượng vận chuyển

- Đổi: 89307,46 nghìn tấn = 89,30746 triệu tấn.

→ Cự li vận chuyển trung bình =  $191249,27 : 89,30746 \approx 2141$  km.

**Câu 5 (VD):**

**Phương pháp:**

Tính toán.

**Cách giải:**

- Coi năm 2010 = 100%
- Tốc độ tăng trưởng của doanh thu dịch vụ bưu chính năm 2021 =  $26,8 : 6 \times 100 \approx 447\%$ .

**Câu 6 (VD):**

**Phương pháp:**

Tính toán.

**Cách giải:**

- Số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất của cả nước =  $22 + 100 + 42 + 7 + 72 + 50 = 293$ .
- Tỷ lệ số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất của Đông Nam Bộ so với cả nước =  $72 : 293 \times 100 \approx 24,6\%$ .